

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V**

TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số:04/2020/DSST

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa và ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX- ST ngày 09 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/QĐST-DS ngày 24/6/2020; Thông báo số 12/TB-TA ngày 15/7/2020 và Thông báo số 18/TB-TA ngày 31/7/2020 về việc hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Hoà L, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Hoà L, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Văn T, sinh năm 1981 (chồng chị Th); Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990 (chồng chị T); Đều có địa chỉ: Thôn Hoà L, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

4. Người làm chứng: Bà Đào Thị G, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Hoà L, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2019 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Th trình bày: Chị và chị T có quan hệ chị em, chị T gọi chị là chị vì mẹ chồng của chị với bố chồng của chị T là hai chị em ruột. Do có mối quan hệ anh em nên ngày 10/4/2019 chị T có vay của chị số tiền 11.600.000đ. Chị T có viết giấy vay tiền đề ngày 10/4/2019. Trong giấy vay tiền chị T vay của chị số tiền là 11.600.000đ và chị T cam kết mỗi tháng trả cho chị 5.800.000đ và sẽ trả cho chị

trước ngày 10/6/2019, trong giấy vay tiền không thể hiện tiền lãi và có bà Đào Thị G chứng kiến chị T viết giấy vay tiền. Nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2019 chị T mới trả cho chị được 3.000.000đ. Từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay chị T chưa trả cho chị thêm bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù chị có đến đòi chị T và có gọi điện yêu cầu chị T trả tiền cho chị nhưng chị T không trả. Nay chị yêu cầu chị T trả cho chị số tiền 8.600.000đ, chị không yêu cầu tính lãi. Số tiền này là tiền riêng của chị, không phải là tiền chung của vợ chồng. Việc chị cho chị T vay tiền chồng chị là anh Đào Văn T không biết và không liên quan đến việc vay mượn này.

Bị đơn chị Phạm Thị Thu T tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời khai của chị T đề ngày 11/5/2020, chị T khai: Về mối quan hệ giữa chị với chị Th như chị Th trình bày là đúng. Do có mối quan hệ nên khoảng cuối năm 2016 chị có đến nhà chị Th và hỏi vay tiền của chị Th số tiền 30.000.000đ để chị làm ăn buôn bán thời hạn vay là vay khoảng 02 tháng. Chị Th có đồng ý cho chị vay số tiền 30.000.000đ, khi vay thì hai bên không viết giấy tờ gì lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Sau khi nhận tiền xong chị có trả lãi hàng tháng cho chị Th Đến năm 2019 chị Th có đến nhà chị đề đòi nợ, thì giữa chị Th và bà Đào Thị G, mẹ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn xô xát. Quá trình giải quyết tại công an huyện hai bên giải quyết tình cảm và chị đã trả cho chị Th 18.400.000đ, số tiền còn lại chị nợ lại chị Th và chị có viết giấy vay tiền đề ngày 10/4/2019 với số tiền 11.600.000đ. Trong giấy vay tiền chị cam kết mỗi tháng trả cho chị Th 5.800.000đ và sẽ trả cho chị Th trước ngày 10/6/2019 có bà Đào Thị G chứng kiến chị viết giấy vay tiền. Đến khoảng tháng 7 năm 2019 chị trả cho chị Th được 3.000.000đ. Số tiền còn lại do kinh tế chị gặp khó khăn nên chị chưa trả được chị Th, chị sẽ trả nợ dần cho chị Th khi nào chị có tiền. Chị khẳng định có nợ chị Th số tiền 8.600.000đ. Việc vay tiền giữa chị và chị Th là vay cá nhân của chị, không liên quan gì đến anh Th (chồng chị) và các con của chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai của anh ngày 06/3/2020 anh Đào Văn T khai: Về mối quan hệ giữa chị Th với chị T như chị Th trình bày là đúng, về việc chị Th (vợ anh) yêu cầu chị T trả cho chị Th số tiền 8.600.000đ, chị Th không yêu cầu tính lãi. Anh không có quan điểm ý kiến gì vì số tiền này là tiền riêng của chị Th, không phải là tiền chung của vợ chồng. Bản thân anh không biết việc vay mượn giữa chị T và chị Th và anh không liên quan gì đến việc vay mượn này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện V đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Th, nhưng anh không đến tòa làm việc. Tại

biên bản làm việc với bà G và chị T, chị T và bà G đều cho biết anh Th có biết việc Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh nhưng do anh bận nhiều việc và việc chị T vay nợ chị Th là vay cá nhân chị T nên anh không đến tòa làm việc.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 280, 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Th. Buộc chị Phạm Thị Thu T phải trả nợ cho chị Dương Thị Th số tiền 8.600.000đ tiền.

Về án phí: chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Dương Thị Th và chị Phạm Thị Thu T là quan hệ tranh chấp dân sự, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Phạm Thị Thu T phải trả lại cho chị số tiền 8.600.000đ. Xác định đây là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Chị Dương Thị Th khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Thu T trả chị số tiền 8.600.000đ theo giấy vay tiền đề ngày

10/4/2019, chị không yêu cầu tính tiền lãi suất hàng tháng. Tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Thu T vắng mặt không lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày năm 2016 chị có vay tiền của chị Th số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là vay khoảng 02 tháng, khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, lãi xuất thỏa thuận miệng là 2%/tháng và có trả lãi hàng tháng cho chị Th, quá trình giải quyết vụ án chị T không đến Tòa án làm việc và không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc trả lãi hàng tháng cho chị Th. Chị Th cho rằng chị T khai vay của chị 30.000.000đ, lãi xuất 2%/tháng là không có căn cứ, bản thân chị chỉ cho chị T vay số tiền 11.600.000đ, không tính tiền lãi. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy chị T khai vay của chị Th 30.000.000đ lãi xuất 2%/tháng là không có căn cứ. Chị Trang xác nhận ngày 10/4/2019 chị viết giấy vay tiền của chị Th số tiền 11.600.000đ đến tháng 7/2019 chị đã trả cho chị Th 3.000.000đ. Nay chị chưa có tiền, điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả số tiền 8.600.000đ cho chị Th và chị xác định số tiền vay cá nhân của chị không liên quan đến chồng và gia đình chị. Xét yêu cầu của của chị Th yêu cầu chị T phải trả lại chị số tiền 8.600.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền đề ngày 10/4/2019 thể hiện và lời trình bày của chị T có vay nợ đến nay chưa trả cho chị Th số tiền là 8.600.000đ là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử buộc chị Phạm Thị Thu T trả lại cho chị Dương Thị Th số tiền 8.600.000đ là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí theo giá ngạch. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Th theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều các Điều 166, 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Th. Buộc chị Phạm Thị Thu T phải trả cho Dương Thị Th số tiền 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

2/ Về án phí: chị Phạm Thị Thu T phải chịu 430.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Th tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0004877 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật tố tụng dân sự.

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành

